

Bản án số: 13/2024/HNGĐ-ST

Ngày 13-12-2024

V/v: “Ly hôn, nuôi con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thái Hưng;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Trang Nhung và bà Lê Văn Trang

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Đinh Mạnh Tú –Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái:** Bà Nguyễn Thị Thu Hà-Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2023, về việc “Ly hôn, nuôi con chung”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 11/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2024/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thu Tr – SN 1987

Địa chỉ: Tổ 1, phường Yên T, thành phố Yên B, tỉnh Yên Bái.

(Vắng mặt, đã có đơn xin vắng mặt)

Bị đơn: Ông Yang ChengP (dịch sang tiếng việt Dương Thừa P); sinh năm 1990; Quốc tịch: Trung Quốc

Hộ chiếu số: EB 9674352, cục quản lý Xuất nhập cảnh Bộ Công an Trung Quốc cấp 31/01/2018

Địa chỉ: Số 2, Đồn Ba L, thôn Đông L, thị trấn Tân T, thành phố Tĩnh T, tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 11 tháng 10 năm 2023, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ nguyên đơn bà Nguyễn Thu Tr trình bày:

Bà Nguyễn Thu Tr kết hôn ông Yang ChengP (Dương Thừa P) vào ngày 20 tháng 7 năm 2018 tại Ủy ban nhân dân thành phố Yên B, tỉnh Yên Bái, trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống tại Trung Quốc cho đến năm

2020, do dịch Covid, bà Tr đã trở về Việt Nam sinh sống, từ đó vợ chồng không sống chung, sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay bà Tr xác định tình cảm vợ chồng đã hết, xin được ly hôn ông Yang ChengP (Dương Thừa P).

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Yang Khả H- sinh ngày 03/8/2018, hiện cháu Yang Khả H đang do bà Tr nuôi dưỡng nên bà Tr có nguyện vọng được tiếp tục nuôi con, không đề nghị ông P phải cấp nuôi dưỡng con chung.

Tài sản chung, nợ chung: Không có.

Bà Tr từ chối hoà giải.

Do bà Tr đang sinh sống tại Việt Nam, giấy tờ tùy thân của ông P do ông P đang giữ nên bà Tr chỉ cung cấp được bản phô tô giấy thị thực của ông P.

Tại Văn bản uỷ thác tư pháp về dân sự số 21/TTTPDS-TA63 ngày 21 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái đã uỷ thác cho Cơ quan có thẩm quyền của Trung Quốc để tổng đạt giấy tờ và lấy lời khai của ông Yang ChengP, trong đó có thông báo thời gian mở phiên họp, phiên toà kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng Toà án không nhận được bản tự khai hoặc biên bản lấy lời khai cùng tài liệu, chứng cứ của ông Yang ChengP và ông P cũng không có mặt tại phiên họp và cũng không có mặt tại phiên toà ngày 15 tháng 11 năm 2024, Toà án đã có văn bản đề nghị Bộ Tư pháp thông báo kết quả uỷ thác tư pháp, nhưng vẫn chưa có kết quả nên đã phải hoãn phiên họp, phiên toà.

Đến ngày 25 tháng 11 năm 2024, Toà án nhận được kết quả uỷ thác tư pháp của Bộ Tư pháp, ông Yang ChengP đã cung cấp lời khai, chứng minh nhân dân của ông P. Theo đó, ông P xác định ông P và bà Nguyễn Thu Tr kết hôn vào ngày 20 tháng 7 năm 2018 tại Ủy ban nhân dân thành phố Yên B, tỉnh Yên Bái, Việt Nam, trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống tại Tĩnh T, Quảng Tây, Trung Quốc, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn cũng vì ông P thiếu quan tâm đến bà Tr, chi phí nuôi con cũng không kịp thời chu cấp. Nay bà Tr xin ly hôn ông P cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Yang Khả H- sinh ngày 03/8/2018, hiện cháu Yang Khả H đang do bà Tr nuôi dưỡng nên ông P đồng ý để bà Tr nuôi con, chi phí nuôi con hai bên cùng chi trả.

Tài sản chung, nợ chung: Không có.

Về việc tham gia phiên toà: Ông P sẽ cố gắng tham gia còn nếu không thì đề nghị Toà án xét xử vắng mặt.

Vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Toà án cấp sơ thẩm đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền; xác định đúng quan hệ tranh chấp; thụ lý, lập hồ sơ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử và chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp đúng quy định. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên

toà; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đúng quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 153, khoản 1 Điều 273, khoản 5 Điều 477, khoản 1 và khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27; Điều 44 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện:

Bà Nguyễn Thu Tr được ly hôn ông Yang ChengP. Về con chung: Giao cháu Yang Khả H- sinh ngày 03/8/2018 cho bà Tr nuôi dưỡng, ông P không phải cấp dưỡng nuôi con, ông P có quyền thăm nom con chung theo quy định. Tài sản chung, công nợ chung: Không đề cập xử lý. Về án phí và chi phí tố tụng: Bà Tr phải chịu án phí dân sự ly hôn, lệ phí uỷ thác tư pháp ra nước ngoài theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng:

Đây là vụ án ly hôn có đương sự trên địa bàn tỉnh Yên Bái và đương sự ở nước ngoài nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái theo quy định tại khoản 3 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã uỷ thác tư pháp thông qua Bộ tư pháp. Do các đương sự có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thu Tr :

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thu Tr kết hôn ông Yang ChengP (Dương Thừa P) vào ngày 20 tháng 7 năm 2018 tại Ủy ban nhân dân thành phố Yên B, tỉnh Yên Bái, trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống tại Trung Quốc cho đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn vì ông P ít quan tâm đến bà Tr và cũng vì dịch Covid nên bà Tr đã trở về Việt Nam sinh sống, từ đó vợ chồng không sống chung, đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay bà Tr xác định tình cảm vợ chồng đã hết, xin được ly hôn ông Yang ChengP. Xét thấy: tình cảm vợ chồng giữa bà Nguyễn Thu Tr và ông Yang ChengP không còn, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thu Tr được ly hôn ông Yang ChengP.

Về con chung: Bà Tr và ông P đều xác định có một con chung là cháu Yang Khả H- sinh ngày 03/8/2018, hiện cháu Yang Khả H đang do bà Tr nuôi dưỡng nên bà Tr có nguyện vọng được nuôi con, bà Tr không yêu cầu ông P phải cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu của bà Tr là có cơ sở vì hiện nay cháu Yang Khả H đang sinh sống cùng bà Tr, đang do bà Tr nuôi dưỡng, nên để cháu Yang Khả H cho bà Tr nuôi dưỡng là hợp lý. Do bà Tr không yêu cầu về cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét về việc cấp dưỡng.

Tài sản chung, nợ chung: Bà Tr và ông P đều xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí, lệ phí: Bà Nguyễn Thu Tr chịu án phí ly hôn và chi phí uỷ thác tư pháp theo quy định của pháp luật.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà là phù hợp cần được chấp nhận.

[5] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273, khoản 5 Điều 477, khoản 1 và khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27, Điều 44 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thu Tr được ly hôn ông Yang ChengP (dịch sang tiếng Việt: Dương Thừa P)

2. Về con chung: Giao cho bà Nguyễn Thu Tr nuôi dưỡng con chung Yang Khả H- sinh ngày 03/8/2018 cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi, ông P không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thu Tr phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0000001 ngày 13 tháng 11 năm 2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Yên Bái (bà Tr đã nộp đủ tiền án phí).

4. Về chi phí uỷ thác: Bà Nguyễn Thu Tr phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) lệ phí uỷ thác tư pháp nhưng được trừ vào số tiền lệ phí 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0000006 ngày 20 tháng 12 năm 2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Yên Bái (bà Tr đã nộp đủ lệ phí).

Án xử sơ thẩm công khai, Bà Tr được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật; Ông Yang ChengP được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 01 tháng kể từ kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT3-TAND Tối cao;
- VKSND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Yên Bái;
- Sở Tư pháp tỉnh Yên Bái;
- Ủy ban nhân dân thành phố Yên Bái;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, HCTP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Đã ký

Lê Thái Hưng

